

Bài văn mẫu Phân tích bài thơ Thương vợ tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

Dàn ý mẫu bài Phân tích bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương

Mở bài

- Đôi nét về tác giả Trần Tế Xương: một tác giả mang tư tưởng li tâm Nho giáo, tuy cuộc đời nhiều ngán ngùi

- Thương vợ là một trong số những bài thơ hay và cảm động nhất của Tú Xương viết về bà Tú

Thân bài

1. Hai câu đề

- Hoàn cảnh bà Tú: mang gánh nặng gia đình, quanh năm lặn lội “mom sông”

+ Thời gian “quanh năm”: làm việc liên tục, không trừ ngày nào, hết năm này qua năm khác

+ Địa điểm “mom sông”: phần đất nhô ra phía lòng sông không ổn định.

⇒ Công việc và hoàn cảnh làm ăn vất vả, ngược xuôi, không vững vàng, ổn định

- Lí do:

+ “nuôi”: chăm sóc hoàn toàn

+ “đủ năm con với một chồng”: một mình bà Tú phải nuôi cả gia đình, không thiếu cũng không dư.

⇒ Bản thân việc nuôi con là người bình thường, nhưng ngoài ra người phụ nữ còn nuôi chồng

⇒ hoàn cảnh éo le trái ngang

+ Cách dùng số đếm độc đáo “một chồng” bằng cả “năm con”, ông Tú nhận mình cũng là đứa con đặc biệt. Kết hợp với cách ngắt nhịp 4/3 thể hiện nỗi cực nhọc của vợ.

⇒ Bà Tú là người đảm đang, chu đáo với chồng con.

2. Hai câu thực

- Lặn lội thân cò khi quãng vắng: có ý từ ca dao “Con cò lặn lội bờ sông” nhưng sáng tạo hơn nhiều (cách đảo từ lặn lội lên đầu hay thay thế con cò bằng thân cò):

+ “Lặn lội”: Sự lam lũ, cực nhọc, nỗi gian truân, lo lắng

+ Hình ảnh “thân cò”: gợi nỗi vất vả, đơn chiếc khi làm ăn ⇒ gợi tả nỗi đau thân phận và mang tính khái quát

+ “khi quăng vẳng”: thời gian, không gian heo hút rợn ngợp, chứa đầy những nguy hiểm lo âu

⇒ Sự vất vả gian truân của bà Tú càng được nhấn mạnh thông qua nghệ thuật ẩn dụ

- “Eo sèo... buổi đò đông”: gợi cảnh chen lấn, xô đẩy, giành giật ẩn chứa sự bất trắc

+ Buổi đò đông: Sự chen lấn, xô đẩy trong hoàn cảnh đông đúc cũng chứa đầy những sự nguy hiểm, lo âu

- Nghệ thuật đảo ngữ, phép đối, hoán dụ, ẩn dụ, sáng tạo từ hình ảnh dân gian nhấn mạnh sự lao động khổ cực của bà Tú.

⇒ Thực cảnh mưu sinh của bà Tú : Không gian, thời gian rợn ngợp, nguy hiểm đồng thời thể hiện lòng xót thương da diết của ông Tú.

3. Hai câu luận

- “Một duyên hai nợ”: ý thức được việc lấy chồng là duyên nợ nên “âu đành phận”, Tú Xương cũng tự ý thức được mình là “nợ” mà bà Tú phải gánh chịu

- “nắng mưa”: chỉ vất vả

- “năm”, “mười”: số từ phiếm chỉ số nhiều

- “dám quản công”: Đức hy sinh thầm lặng cao quý vì chồng con, ở bà hội tụ cả sự tần tảo, đảm đang, nhẫn nại.

⇒ Câu thơ vận dụng sáng tạo thành ngữ, sử dụng từ phiếm chỉ vừa nói lên sự vất vả gian lao vừa nói lên đức tính chịu thương chịu khó, hết lòng vì chồng vì con của bà Tú

4. Hai câu kết

-Bất mãn trước hiện thực, Tú Xương đã vì vợ mà lên tiếng chửi:

+ “Cha mẹ thói đời ăn ở bạc”: tố cáo hiện thực, xã hội quá bất công với người phụ nữ, quá bóc lột để những người phụ nữ phải chịu nhiều cay đắng vất vả

- Tự ý thức:

+ “Có chồng hờ hững”: Tú Xương ý thức sự hờ hững của mình cũng là một biểu hiện của thói đời

- Nhận mình có khiếm khuyết, phải ăn bám vợ, để vợ phải nuôi con và chồng.

→ Từ tấm lòng thương vợ đến thái độ đối với xã hội, Tú Xương cũng chỉ cả thói đời đen bạc.

Kết bài

- Khẳng định lại những nét đặc sắc tiêu biểu về nghệ thuật làm nên thành công nội dung của tác phẩm

- Liên hệ, bày tỏ quan điểm, suy nghĩ của bản thân về người phụ nữ trong xã hội hôm nay

Bài văn mẫu số 1: Phân tích bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương

Tú Xương là một trong những nhà thơ có cảm quan nhạy cảm trước sự đổi thay của nhân tình thế thái. Xã hội thời Tú Xương sống là xã hội đang bị đảo lộn về tất cả ngay cả giá trị thiêng liêng nhất là tình thương cũng bị mai một, tình người với người chỉ còn là thứ tình cảm hời hợt bán mua, đổi chác quá ư dễ dàng. Giữa xã hội nhố nhăng ấy, nhà thơ tự giữ lại cho mình tình cảm cao quý nhất là tình yêu đối với người vợ. Thương vợ là bài thơ hay ghi lại tình yêu chân thành của nhà thơ dành cho người vợ vừa có sự cảm thông, chia sẻ và biết ơn vừa là lời tự thán, tự trách bản thân về trách nhiệm của người chồng.

Quanh năm buôn bán ở mom sông

...

Có chồng hờ hững cũng như không.

Tú Xương ngay mở đầu đã tỏ ra là người chồng biết quan tâm đến vợ, am hiểu công việc làm ăn của vợ:

Quanh năm buôn bán ở mom sông

Nuôi đủ năm con với một chồng.

Bà Tú buôn bán ấy là công việc chính bà làm để nuôi chồng nuôi con. Quanh năm chứ đâu phải là ngày một ngày hai bà tiến hành việc buôn bán mà là quanh năm suốt tháng, liên tục, không ngừng nghỉ. Nổi vất vả của bà Tú kéo dài theo năm tháng. Mom sông là không gian làm ăn của bà. Đó là chỗ đất nhô ra ở bờ sông Vị hoàng chảy qua thành phố Nam Định, một thế đất rất chênh vênh, cheo leo, không vững vàng, sẵn sàng đổ ụp xuống sông bất cứ lúc nào. Thế mới thấy sự nguy hiểm cho tính mạng của bà cùng nổi vất vả, cực nhọc trong công việc làm ăn. Ở đây không gian mom sông, thời gian quanh năm tô đậm hơn hình ảnh của bà Tú tảo tần, ngược xuôi. Đó là người phụ nữ của bao đời và đến bà Tú càng rõ nét hơn.

Câu thơ sau nâng vị thế của bà trở thành người trụ cột của gia đình, còn ông chồng bị hạ xuống hạng ăn bám, là gánh nặng cho vợ. Nuôi đủ năm con với một chồng. Cách đếm năm con với một chồng thật đặc biệt. Nhà thơ đặt ông chồng như những đứa con cũng phải nuôi tựa như ông bé bỏng như con nên phải đếm ngang một miệng ăn, hai miệng ăn. Từ đủ làm toát lên mức độ của

việc nuôi nấng ấy. Bà nuôi ông không chỉ cơm no, áo đủ mặc mà còn phải có ít rượu cho ông ngân nga, bộ áo mới cho ông vui vẻ cùng bè bạn. Bà Tú lo tất, bà vừa nuôi, vừa cung phụng cho ông. Gánh nặng chồng con đè nặng lên đôi vai bà Tú. Người phụ nữ như địa vị của bà chỉ làm việc nâng khăn sửa túi cho chồng, việc làm ăn để chồng lo, vậy mà bà phải bứt ra khỏi cảnh sống êm ả bước vào dòng đời xô bồ để lo cơm áo cho sáu miệng ăn, làm thay việc của chồng đủ thấy bà đã hi sinh tất cả vì chồng con. Thấu hiểu hoàn cảnh của vợ, đánh giá xứng đáng công lao của vợ chứng tỏ nhà thơ yêu vợ, thương vợ tha thiết lắm.

Hai câu thực tiếp tục mạch cảm xúc cảm thông, chia sẻ:

Lặn lội thân cò khi quãng vắng

Eo sèo mặt nước buổi đò đông

Công việc của bà đến đây hiện lên thật rõ nét cụ thể. Bà Tú lặn lội ngược xuôi lúc một mình vượt đường xa, quãng vắng, lúc cãi và giành giật ngay trên sông với những chuyến đò đông khách qua. Sự vất vả, cực nhọc của bà là vậy. Lặn lội, eo sèo thể hiện tính chất gay go của cuộc mua bán. Thương trường là chiến trường, đâu dễ nhường nhịn cho nhau miếng ăn, té ra bà Tú cũng va chạm lời qua tiếng lại gây cảnh eo sèo nhón nháo trên sông. Câu thơ gợi ta nhớ đến thân phận của người phụ nữ xưa qua câu ca:

Cái cò lặn lội bờ sông

Gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ non.

Con cò xưa và thân cò dường như có sự đồng dạng. Hình ảnh so sánh độc đáo đó càng làm cho tình cảnh bà Tú thêm tội nghiệp đáng thương. Bà Tú có khác gì dáng cò đâu, gầy lêu khêu, bước lững thững, một thân một mình, lếch thếch, lúi thủi. Đối lập cái đơn độc, lẻ loi của bà với vẻ quanh hiu khi quãng vắng và vẻ tập nập, đông đúc của buổi đò đông, nhà thơ cực tả những cực nhọc, gian lao của bà để duy trì sự sống cho chồng, con. Ông Tú thấu hiểu điều ấy. Và ông đâu có dừng dung. Đằng sau từng câu chữ là nỗi niềm chất chứa tâm can. Ông cảm phục vì sức dẻo dai quanh năm làm việc của bà, ca ngợi bà vì bà hết lòng vì chồng con, nhưng một nỗi xót xa, hổ thẹn ngự trị trong lòng ông: Tự trách mình chưa làm tròn trách nhiệm của người chồng. Bà Tú biết được tâm sự như thế của ông chắc gánh nặng sẽ vơi đi chút nào và trong tâm chắc cũng được an ủi, động viên.

Khó nhọc, gian nan là vậy nhưng bà Tú không một lời than vãn. Ngày tháng, công việc cứ trôi qua im lặng như chính cuộc đời bà:

Mội duyên hai nợ âu đành phận

Năm nắng mười mưa dám quản công.

Câu thơ như lời nói rất tự nhiên, đa thanh, có thể coi là lời của ông hoặc bà đều được. Nhưng xưa nay bà có than thân bao giờ, bà chấp nhận tất cả, giấu kín lòng mình với bao nỗi xót xa tủi cực. Ông Tú vì tấm lòng thương vợ cất lên lời nói thay cho bà. Dùng lối nói dân gian vợ chồng là duyên là nợ. Tú Xương vận rất đúng để nói về bà Tú, cuộc đời bà như vậy vừa là duyên, vừa là nợ, duyên một thì nợ hai, hạnh phúc do duyên mang lại ít, cực nhọc do nợ là phần nhiều, số phận

là thế thì đành chấp nhận. Dám quản công tức không dám nề hà, không dám kể công dù có vất vả sương gió nhiều, năm nắng mười mưa. Đã vận vào cái số phận làm sao thoát ra, câu thơ kết thúc bằng thanh trắc âu đành phận cùng khiến cho cảm xúc bị dồn nén nhiều hơn. Hẳn bà Tú không ít lần bực mình, thấy đời sao quá bất công, muốn phản kháng nhưng bà đã dần lòng an phận, chấp nhận im lặng đến nhẫn nhục, cam chịu. Nước mắt bà chảy ngược vào trong, bà giữ chặt lòng mình, không muốn cho ai biết nỗi khổ tâm, đau xót ấy. Các số đếm một, hai, năm, mười cùng nhịp thơ ngắt 2/2/3 thể hiện tâm trạng tức tưởi, lắng sâu và kéo dài cuộc đời bà gắn với công việc không bao giờ ngừng nghỉ. Đến đây, Tú Xương nhập hẳn mình vào vợ để lắng nghe từng nỗi niềm u uất của bà. Ẩn đằng sau ấy là bao nỗi niềm của ông, một người chồng khổ tâm để vợ xuôi ngược mà không giúp được gì? Câu thơ toát lên ý thương vợ, tự trách rất sâu sắc.

Hai câu cuối, tình cảm như được bộc phát mạnh mẽ, không phải lời tâm tình nhẹ nhàng như trước mà là tiếng chửi độc:

Cha mẹ thói đời ăn ở bạc

Có chồng hờ hững cũng như không.

Tiếng chửi không phải của bà Tú vì bà chấp nhận, cam chịu suốt đời, ông Tú mong bà chửi để gánh nặng lòng ông được vơi bớt, chỉ ít vì bà coi ông khác lũ con. Sự dồn nén, bức bối buộc ông mượn lời bà để tự chửi mình. Một đấng chồng mà chỉ ngồi ăn bám, vô lo, có khi hạch sách, lên mặt, nhìn vợ vất vả ngược xuôi vất vả còn xứng là chồng không? Ông tự kết án mình đã ăn ở bạc bẽo, lạnh lùng, thờ ơ, vô trách nhiệm... Sự hờ hững ấy của ông khiến cho bà càng đau khổ hơn gấp ngàn lần. Gánh nặng vật chất dù chồng chất đến mấy bà Tú cũng cố chèo lái lo toan, chịu được nhưng bị hờ hững, bị đối xử tệ bạc, không được sẻ chia sẽ làm cho bà gục ngã ngay. Một ông chồng như thế bà đâu cần, có cũng như không. Lấy bản thân mình, nhà thơ khái quát hiện tượng trên thành thói đời nghĩa là nó rất phổ biến, thường diễn ra. Đó chính là đặc trưng của xã hội đồng tiền buổi giao thời mà nhà thơ sống. Ý nghĩa tố cáo của câu thơ là vạch rõ bản chất xấu xa của xã hội coi nhẹ tình cảm, trọng sĩ diện, danh vọng, tiền tài. Câu thơ khép lại bằng từ không tưởng nhẹ nhàng mà hướng người đọc đến chiều sâu tâm trạng chất chứa nỗi chua xót, tự giận của chồng và niềm đau khổ của người vợ.

Bài thơ là tiếng lòng chân thành vừa ngợi ca, cảm phục, chia sẻ, cảm thông trước vất vả, gian nan của bà Tú vừa là lời tự trách, tự lên án của ông Tú. Phải yêu vợ, thương vợ đến mức sâu sắc nhà thơ mới viết nên bài thơ giàu cảm xúc, chân thực như vậy. Chất trữ tình và trào phúng quyện hòa trong nhau đưa người đọc đến những cung bậc tình cảm rất sâu sắc bình dị, đáng trân trọng, ẩn chứa trong lòng nhà thơ vốn căm ghét thể thái nhân tình đổi thay. Tú Xương qua bài thơ gửi đến những người chồng bức thông điệp: hãy nói lời yêu thương chia sẻ thật nhiều với người vợ.

Bài văn mẫu số 2: Phân tích bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương

Tú Xương nhà thơ trào phúng xuất sắc của văn học trung đại. Ông thuộc lớp nhà Nho cuối mùa, sống giữa buổi giao thời, trong lúc thời đại phong kiến suy tàn, những giá trị của quá khứ đang dần mất đi nhưng cái mới chưa kịp hình thành, những nét đẹp truyền thống đang dần rạn vỡ... Bởi vậy thơ ông đầy tiếng u uất, chua chát. Nhưng chất trào phúng trong thơ ông chỉ là

“chân trái” còn “chân phải” vẫn là chất trữ tình. Thơ ông luôn khắc khoải những suy tư, âu lo rộng là với xã hội, hẹp là với gia đình, với bà Tú – người vợ hết thực tảo tào. Bài thơ Thương vợ đã thể hiện đầy đủ chất trữ tình cũng như chất trào phúng ấy trong thơ ông.

Viết về người vợ là điều hiếm thấy trong thơ xưa, đặc biệt là khi người vợ còn sống. Riêng với Tú Xương, ông không chỉ viết về vợ mà còn có hẳn một đề tài riêng về bà Tú: Đau mắt, Vẩn té sống vợ, Hỏi mình,... điều đó đã cho thấy vị trí, ý nghĩa to lớn của người vợ trong cuộc đời ông.

Hai câu đề tác giả giới thiệu tổng quan về bà Tú cũng như công lao to lớn của bà đối với gia đình:

Quanh năm buôn bán ở môm sông

Nuôi đủ năm con với một chồng

Tú Xương đã mô tả rất chính xác về nghề nghiệp của bà Tú đó là buôn gạo ở ven sông. Công việc của bà tuần hoàn, đều đặn suốt năm, dường như không có bất cứ lúc nào bà được nghỉ ngơi, có được thời gian cho riêng mình. Không gian bà làm việc cũng chứa đựng đầy sự nguy hiểm. Bà Tú phải làm việc cực nhọc quanh năm, với bao vất vả khó khăn, bà chính là trụ cột của gia đình. Bà không những phải nuôi con mà còn phải nuôi thêm chồng. Vậy là một người đàn bà phải nuôi sáu miệng ăn trong gia đình. Trong câu thơ Tú Xương tự tách mình riêng ra một vế so với năm đứa con, cho thấy ông tự nhận thức được gánh nặng của thân đối với vợ, gánh nặng ấy còn hơn cả năm đứa con. Nếu như những đứa con chỉ cần đáp ứng nhu cầu ăn uống, quần áo cho chúng thì với ông Tú ngoài những nhu cầu cơ bản, còn phải đáp ứng cả thú ăn, thú chơi của ông. Câu thơ thấp một nụ cười tự châm biếm chính mình.

Nỗi vất vả, gian truân của bà Tú tiếp tục được tô đậm ở hai câu tiếp theo: “Lặn lội thân cò khi quãng vắng/ Eo sèo mặt nước buổi đò đông”. Phép đảo ngữ: đẩy “lặn lội” “eo sèo” lên đầu câu, tô đậm nỗi vất vả, nhọc nhằn của bà Tú trong cuộc mưu sinh. “Đò đông” gợi nên sự nguy hiểm trong việc đi lại, buôn bán hàng ngày “Sông sâu chớ lội, đò đầy chớ qua”. Hình ảnh bà Tú được miêu tả qua phép ẩn dụ “thân cò” đầy ám ảnh, gợi dáng dấp nhỏ bé, chịu đựng, bơ vơ, côi cút đến tội nghiệp. Hình ảnh cái có lặn lội vốn là mâu thuẫn trong văn học dân gian, cho thấy sự tảo tần, lam lũ của người lao động, đồng thời gợi sự đồng cảm nơi người. Câu 3,4 với hình ảnh ẩn dụ “thân cò” kết hợp với từ đầy tình tạo hình “lặn lội” đã khắc sâu hơn nỗi nhọc nhằn trong cuộc mưu sinh của bà Tú.

Duyên vợ chồng vốn do trời định sẵn, còn “nợ” là gánh nặng, nếu hai người có cuộc sống tốt đẹp ấy là duyên, cuộc sống ngang trái, bất hạnh ấy là nợ. Trong câu thơ: “Một duyên hai nợ âu đành phận/ Năm nắng mười mưa dám quản công” cho thấy cái duyên với chồng thì ít mà cái nợ với nhau thì nhiều. Ông Tú tự nhận thấy mình là cái nợ, là gánh nặng suốt đời của bà Tú. Nhưng bà Tú không hề day nghiêng điều đó, mà hết lòng hi sinh, như một lẽ tự nhiên, âm thầm không đòi hỏi hay oán trách bất cứ điều gì với ông Tú. Với sáu câu thơ đầu, Tú Xương đã khắc họa chân thực và đầy đủ nhất vẻ đẹp tảo tần, chịu thương, chịu khó của bà Tú đối với gia đình.

Chỉ đến hai câu thơ cuối cùng hình ảnh ông Tú mới xuất hiện:

Cha mẹ thói đời ăn ở bạc

Có chồng hồ hững cũng như không!

Tiếng chửi cất lên vô cùng gay gắt, ném vào cuộc đời cũng chính là tự mắng chính mình. “Thối đời” - những quy tắc hà khắc của chế độ phong kiến, phân biệt đối xử, trọng nam khinh nữ, coi việc nhà, việc mưu sinh là của đàn bà. Là cái xã hội thực dân nửa phong kiến đã đẻ ra thói đời bạc bẽo, những bất công vô lí. Tiếng chửi ấy xuất phát từ lòng yêu thương và biết ơn vô bờ của ông Tú dành cho vợ.

Tác phẩm là sự việt hóa của thể thơ thất ngôn bát cú. Tú Xương có sự đan xen, kết hợp hài hòa giữa chất trữ tình và chất trào phúng, trong đó chất trữ tình là chủ đạo để nói lên lòng biết ơn sâu sắc với vợ. Đây đồng thời cũng là nét đặc sắc và độc đáo trong thơ Tú Xương. Ngôn ngữ thơ mộc mạc, giản dị, như lời ăn tiếng nói hàng ngày. Hình ảnh thơ quen thuộc, giản dị tạo cho câu thơ vẻ đẹp tự nhiên, chân thành nhưng vẫn có sức truyền cảm mạnh mẽ.

Với dung lượng của một bài thơ ngắn nhưng Tú Xương đã đem đến những nét vẽ đầy đủ và trọn vẹn nhất về vẻ đẹp nhân cách, phẩm chất hi sinh cao quý của bà Tú đối với gia đình. Đồng thời đây cũng là những lời thơ tự trào phúng về sự bất lực của bản thân. Ngoài ra, bài thơ cũng là sự thành công trên nhiều phương diện: ngôn ngữ, hình ảnh, kết hợp giữa chất trào phúng và trữ tình.

Bài văn mẫu số 3: Phân tích bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương

“Văn học nằm ngoài những quy luật của băng hoại. Chỉ mình nó không thừa nhận cái chết”. Thơ văn Tú Xương là một trường hợp như vậy. Thể xác của ông hơn 100 năm nay đã hòa tan làm một cùng với đất mẹ nhưng sự nghiệp văn chương của con người tài hoa ấy chưa bao giờ ngừng sống làm lay chuyển lòng người, bất chấp mọi thử thách của thời gian. Nhắc đến Tú Xương ta không thể không nhắc đến “Thương vợ” bài thơ trữ tình thập thoảng nụ cười hóm hỉnh, trào phúng bản thân và bày tỏ tấm lòng yêu thương, kính trọng của ông đối với người vợ tần tảo hi sinh suốt một đời vì chồng, vì con, vì gia đình.

Tú Xương lấy vợ năm ông 16 tuổi, vợ ông là bà Phạm Thị Mẫn. Cuộc đời của Tú Xương là cuộc đời của một nghệ sĩ nhưng trước hết ông là một nhà trí thức phong kiến thuộc loại nhà Nho “Dài lưng tốn vải” phải sống nương tựa nhờ vào người vợ của mình. Mọi chi tiêu trong gia đình đều do một tay bà Tú lo liệu. Điều đó đã đi vào trong thơ ca của ông “Tiền bạc phó cho con mụ kiếm” hoặc “Hỏi ra quan ấy ăn lương vợ”. Trong bài “Thương vợ” cũng vẫn là những vấn đề ấy được thể hiện sâu sắc qua tám câu thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

Hai câu đề mở ra một không gian, thời gian và công việc của bà Tú. Một công việc vất vả, cơ cực và gian nan vô cùng:

“Quanh năm buôn bán ở mom sông

Nuôi đủ năm con với một chồng”

Nghề buôn bán theo quan niệm của người xưa là con đường đầu tiên để làm giàu “Phi thương bất phú” nhưng công việc của bà Tú thì lại đối lập hoàn toàn. Chỗ buôn bán ở đây không phải là vùng đất tốt, bằng phẳng mà ở “mom sông”. Theo cách hiểu của Xuân Diệu: “là cái địa điểm cheo leo chênh vênh, chứ không phải ở cái bên ngang sông tấp nập bình thường”. “Mom sông” đã cụ thể hóa địa điểm buôn bán của bà Tú_ nơi “đầu sóng ngọn gió”, đối mặt với bao nguy hiểm khi nước xuống thì còn, nước lên thì mất. Thời gian ở đây là “quanh năm” hết ngày này qua tháng khác. Thời gian đằng đẵng chẳng bao giờ được nghỉ ngơi. Một công việc nhọc nhằn, vất vả mà người vợ phải gánh vác để lo cho gia đình.

Trước đây với quan niệm “Trọng nam khinh nữ”, “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” những việc lớn như kinh tế gia đình phải do người đàn ông lo liệu nhưng người gánh vác trách nhiệm ấy ở đây là bà Tú_ người đàn bà giàu lòng yêu thương, giàu nghị lực có thể “Nuôi đủ năm con với một chồng”. Dù ở đây nuôi cho đủ miếng cơm manh áo. Một người làm mà bảy miệng ăn ta thấy trách nhiệm nặng nề đặt lên đôi vai người phụ nữ gia đình. Trong câu thơ này có sử dụng nghệ thuật đối năm con là số nhiều nhưng lại được đặt ngang hàng để đối với một chồng là số ít. Dù cơm ăn áo mặc cho năm con ngang bằng với số tiền bạc để nuôi một chồng. Như ta đã biết cuộc đời ông Tú ngắn ngủi và đơn giản, 37 năm, dường như gói gọn trong ba việc chính: đi học, đi thi và làm thơ. 15 tuổi bắt đầu đi thi, 22 năm ròng rã còn lại vẫn đi thi, trải liên tám khóa lều chõng mỗi lần lên kinh dự thi là biết bao chi phí, tiền của do một tay bà Tú trang trải.

Khép lại hai câu đề miêu tả không gian, thời gian và công việc của bà Tú đến hai câu thực mở ra một hình ảnh “thân cò”:

“Lặn lội thân cò khi quãng vắng

Eo sèo nước mặt buổi đò đông”

Câu thơ gợi cho ta nhớ đến hình ảnh quen thuộc trong ca dao: “Con cò lặn lội bờ sông/ Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non”. Hình ảnh ấy gắn liền với thân phận người phụ nữ Việt Nam tần tảo sớm hôm lo cho gia đình. Bà Tú ở đây là thân cò một thân phận, số phận cụ thể gợi một sự mỏng manh, nhỏ bé trước cuộc đời. Tác giả sử dụng lối viết đảo ngữ “lặn lội thân cò” làm cho hình ảnh ấy càng trở nên cụ thể, sâu sắc hơn.

Chắc hẳn bà Tú cũng không quên lời dặn của cổ nhân “Sông sâu chớ lội, đò đầy chớ qua” nhưng vì miếng cơm manh áo gia đình mà phải liều lĩnh đối mặt với chôn hiểm nguy để rồi phải “eo sèo” nơi “đò đông”. Hai tính từ ở đầu câu và cuối câu đối nhau vừa có tính gợi hình lại gợi cảm. Dường như nhà thơ đang rất cảm thông và thương xót cho thân phận của vợ mình mà như nhỏ lệ trước hình ảnh ấy. Hai câu thơ có thể được coi là hay nhất trong bài cũng như khiến cho con người ta rung động nhất khi tái hiện về hình ảnh người vợ trong thơ Tú Xương. Nếu như ở bốn câu thơ đầu tác giả giữ vị trí, đóng vai trò là người chồng đứng ở bên ngoài “khách quan” để quan sát, nhận xét và cảm thông cho bà Tú thì bốn câu thơ sau Tú Xương nhập thân vào trong tâm tư, nỗi niềm của người vợ để cất lên tiếng than “chủ quan” và chân thực hơn.

Hai câu luận là lời than thở mà Tú Xương nói hộ lòng vợ:

“Một duyên hai nợ âu đành phận

Năm nắng mười mưa dám quản công”

Chữ “duyên” theo nghĩa Hán Việt có nghĩa là duyên cớ làm phát sinh việc gì đó. Duyên theo quan niệm của Phật giáo là phần trời định cho con người gặp gỡ, có khả năng yêu nhau và trở thành vợ chồng, giúp các cặp đôi yêu thương gắn kết trong cuộc đời. “Tu trăm năm mới thành bạn đồng hành, tu ngàn năm mới được chung chăn gối” dân gian tạo thành một cặp duyên và nợ. Dưới cái nhìn của Tú Xương duyên thì chỉ có một mà nợ thì hai, duyên ít nợ nhiều. Ngẫm cho kĩ bà Tú lấy được ông Tú cũng là một cái duyên nhưng với người chồng “hờ hững” ấy thì nợ lại nhiều hơn. Chính vì điều đó đã khiến cho sự vất vả cực nhọc của một thân phận được nâng lên thành định mệnh của cả một kiếp người. Vì là duyên là nợ nên “âu đành phận”. Âu có nghĩa là cam chịu, đành là chấp nhận. Vì là cam chịu và chấp nhận điều đó nên “năm nắng mười mưa dám quản công”. Các số từ theo thứ tự: một, hai, năm, mười được sắp xếp theo sự tăng tiến cho thấy khó khăn chồng chất khó khăn trên đôi vai của bà Tú. “Âu đành phận” và “dám quản công” được đặt ở cuối mỗi câu thơ cho thấy cách ứng xử của người làm vợ luôn nhẫn nhục, chịu đựng tất cả vì chồng con.

Khép lại bài thơ hai câu kết được nâng lên thành tiếng chửi. Thác ra giọng bà Tú, Tú Xương đã chửi rửa cái bạc bẽo của cha mẹ nhà chồng và vô tích sự của bản thân đối với vợ.

“Cha mẹ thói đời ăn ở bạc

Có chồng hờ hững cũng như không”

Những bà mẹ chồng xưa kia thường là “nổi kinh hoàng” của những nàng dâu, vì quan niệm phong kiến hôn nhân gả bán cho phép người ta “mua” vợ cho con khác nào mua người làm không công mà đối xử tệ bạc với con dâu. Ta đã từng bắt gặp tiếng chửi ấy nhẹ nhàng mà thâm thúy trong ca dao như: “Tiếng đồn cha mẹ anh hiền/ Cấn cơm không vỡ, cấn tiền vỡ đôi” hay “Trách cha trách mẹ nhà chàng/ Cầm cân chẳng biết là vàng hay thau”. Tú Xương không chỉ là một nhà thơ trữ tình mà còn nổi tiếng là nhà thơ trào phúng. Thơ ông không chỉ là tiếng chửi bện quan lại phong kiến dốt nát mà còn là những vần thơ tự trào bản thân. Trong câu thơ trên nhà thơ mượn lời vợ mình để chửi chính bản thân mình là một người chồng “hờ hững”, vô tích sự không gánh đỡ gì được cho vợ mà ngược lại còn làm nặng trĩu thêm cái gánh nợ đời trên đôi vai của bậc hiền phụ. Nhà thơ coi mình là kẻ chẳng ra gì cũng là một cách đề ca ngợi, đề cao vợ theo cái cách chưa từng thấy trong thơ văn trung đại: “Vuốt râu nịnh vợ, con bu nó/ Quắc mắt khinh đời cái bộ anh”. Cái đặc sắc của hai câu kết tuy là tiếng chửi nhưng vẫn mang hàm ý đùa vui, tự cười, tự trách mình nhưng vẫn là để bày tỏ sự cảm thông với vợ.

Tú Xương cùng với Nguyễn Khuyến là hai đại diện cuối cùng cho nền văn học trung đại Việt Nam cuối thế kỉ XIX, hai nhà thơ tiêu biểu và đặc sắc cho những vần thơ tự trào. Thơ ông với những cách tân mới mẻ về ngôn ngữ viết theo xu hướng khẩu ngữ hóa, sử dụng ngôn ngữ đời thường nhưng vẫn đảm bảo âm điệu trữ tình và có sức gợi hình, gợi cảm. “Thương vợ” là một bài thơ hay có sự kết hợp tài tình giữa ngôn ngữ dân gian với ngôn ngữ bác học một cách tinh xảo, phong phú khắc họa được chân dung bà Tú và bộ lộ được tâm trạng, tình cảm của Tú Xương dành cho vợ của mình. Cùng với đó là cách ngắt nhịp truyền thống trong thơ Đường luật là 4/3 và 2/2/3 càng làm cho bài thơ trở nên mềm mại, uyển chuyển.

Bài thơ “Thương vợ” của Trần Tế Xương thể hiện được ân tình sâu nặng và tình cảm chân thành của nhà thơ đối với hiền phụ của mình. Trước Tú Xương hiếm có thi nhân nào mà có những bài thơ viết về vợ hay và lắng đọng, sâu sắc như ông. Bài thơ không chỉ cho thấy một tâm hồn cõi

mở, đôn hậu của nhà thơ đối với vợ mà còn chứng tỏ tài năng, thi bút của một thi sĩ biết vận dụng và sáng tạo ngôn ngữ dân gian.

Bài văn mẫu số 4: Phân tích bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương

Nói đến thơ trào phúng không ai có thể quên ông, một giọng thơ đã kích, phê phán sắc sảo, cay độc, mạnh mẽ hiếm có. Chế Lan Viên từng viết: "Tú Xương cười như mảnh vỡ thủy tinh". Nhưng Trần Tế Xương không chỉ là một nhà thơ hiện thực chủ nghĩa như vậy, nói như Nguyễn Tuân, chất hiện thực ấy chỉ là "chân trái", còn "chân phải" của ông là chất trữ tình. Trân trọng cảm phục và nhớ tới thơ Tú Xương nhiều hơn có lẽ do người đời được nghe nhịp đập của một trái tim chân thành, giàu cảm xúc, biết trọng nhân cách, mang một nỗi đau vùi vùi không nguôi. Buồn vì không có tiền để giúp một người ăn mày, một đồng bào cùng cảnh ngộ, ông thề độc: "Cha thằng nào có tiếc không cho". Mang nỗi nhục nô lệ của một tri thức, ông chua chát: "Nhân tài đất Bắc kìa ai đó! Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà"...

Đó là ngoài xã hội, còn trong gia đình ông luôn bị dày vò bởi cảm giác thiếu trách nhiệm, Tú Xương "thương vợ", có chồng mà phải gánh vai trụ cột, ông tự xỉ vả cái vai trò "hờ hững" của mình.

Chắc rằng các cụ ông ngày xưa phần lớn là thương vợ thương con, nhưng vì một quan niệm nào đấy, thường ngại bộc lộ tình cảm của người chồng, nhất là lại thể hiện tình cảm với người vợ một cách trực tiếp qua giấy trắng mực đen, qua văn chương thì lại càng ít. Thế kỉ XIX, có hai nhà thơ cùng người thành Nam, Nguyễn Khuyến và Tú Xương, đã không ngần ngại nói lên tình thương yêu của người chồng đối với vợ ngay khi các bà còn đang sống. Nhưng về chủ đề này, Thương vợ của Tú Xương là bài thơ nổi tiếng hơn cả:

Quanh năm buôn bán ở mom sông,

Nuôi đủ năm con với một chồng.

Lặn lội thân cò khi quãng vắng,

Eo sèo mặt nước buổi đò đông.

Một duyên hai nợ âu đành phận,

Năm nắng mười mưa dám quản công.

Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,

Có chồng hờ hững cũng như không.

Nổi bật trong bài thơ là hình ảnh hai con người: một người vợ tần tảo giàu đức hi sinh và một người chồng biết cảm thông chia sẻ, thương yêu và quý trọng vợ rất mực.

Hai câu thơ đầu giới thiệu về nghề nghiệp của bà Tú cũng như trách nhiệm nặng nề của bà:

Quanh năm buôn bán ở mom sông,

Nuôi đủ năm con với một chồng.

Buôn bán cũng là một nghề như mọi nghề khác, người ta hành nghề để kiếm sống. Người xưa còn coi đây là nghề duy nhất nếu muốn làm giàu (phi thương bất phú). Nhưng việc buôn bán của bà Tú thì không được thế. Chẳng có cửa hàng, cửa hiệu, quán xá gì, mà chỗ bà "kinh doanh" là ở "mom sông". Hai chữ "mom sông" đã gợi lên hình ảnh một khoảnh đất nhô ra ở bờ sông, có thể nước xuống thì còn, nước lên thì mất, có thuyền qua thì thành chợ không thì thôi, cũng có thể chợ họp một lát vào buổi sáng hoặc buổi chiều. Lèo tèo đôi ba gánh hàng, chỗ dành cho người buôn thúng bán bưng, lưng vốn ít ỏi, lấy công làm lãi, chắc chắn thu nhập chẳng đáng là bao. Thế mà công việc khó nhọc ấy, bà Tú không chỉ chịu đựng một hai buổi mà phải theo đuổi "quanh năm". Chữ "quanh năm" gợi một thời gian đằng đẵng, là 12 tháng, từ tháng giêng đến tháng chạp, cũng có nghĩa là hết năm này đến năm khác. Cái công việc nặng nề ấy dường như theo đuổi bà Tú suốt cả đời, bởi nó chẳng làm cho bà khá hơn lên để có việc khác nhàn nhã hơn hoặc phát triển việc "buôn bán" lên một cấp độ cao hơn.

Công việc thì nhọc nhằn, thu nhập thì ít ỏi, nhưng bà Tú lại phải lo lắng cho cả một gia đình sáu miệng ăn. Hơn nữa, không phải là sáu mà là "năm con với một chồng", "Năm con" là số nhiều, nhưng dù sao cũng chịu được, lo cho chúng chỉ cần bát cơm, manh áo. Nhưng ông chồng, là "một", nhưng là chi phí bằng cả năm đứa con kia. Có khi còn hơn thế nữa! Mỗi khi ông lều chõng đi thi, tiền lưng gạo bị lại đổ lên đầu vợ, chưa nói đến khi đồng chè đồng rượu, cao hứng còn lên phố đi hát, cũng tiền vợ nốt... Nhiều khoản chi như thế nhưng lúc nào bà cũng lo "đủ". Thật là đảm đang tháo vát biết chừng nào, chiều chồng biết chừng nào!

Được cái tiếng thơm ấy, thật không dễ dàng gì, bà Tú phải đổi bằng biết bao công sức:

Lặn lội thân cò khi quãng vắng,

Eo sèo mặt nước buổi đò đông.

Câu thơ gợi hình ảnh con cò trong những câu ca dao quen thuộc:

... Con cò lặn lội bờ sông

Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non

... Con cò mà đi ăn đêm

Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao

Hình ảnh về một loài chim hiền lành, chăm chỉ âm thầm nhặt nhạnh, kiếm ăn nơi ruộng lúa, bãi sông đã trở thành biểu tượng về những người phụ nữ lam lũ suốt đời vì chồng, vì con, chẳng mấy khi nghĩ đến bản thân mình.

Trong thơ Tú Xương, không phải là con cò mà là thân cò. Không còn là một con vật cụ thể mà là thân phận, số phận, một cái gì rất mỏng manh, nhỏ bé trước biết bao vắn vữa của cuộc đời (Thương thay thân phận con rùa / Thân em như chèn lúa đồng đồng / Thân em như hạt mưa sa...). Yếu đuối quá, bị động quá mà luôn phải lặn lội, bươn chải. Khi quăng văng thì lặn lội buổi đông thì chịu cảnh eo sèo. Hai tính từ được đối nhau ở đầu hai câu thơ vừa giàu tính tạo hình vừa giàu tính biểu hiện. Kia một người phụ nữ gầy yếu như thân cò, gánh nặng trên vai, một thân một mình, bước trầy trật trên con đường lầy lội. Hàng cát về rồi, tránh mưa gió thì mất tiền, nên phải lặn lội ra đi. Và kia nữa cũng thân cò ấy lại phải xù lông xù cánh chao chát, cãi cọ tranh mua tranh bán, tranh xuống cho kịp đò, tranh lên cho kịp chợ. Chỗ đông người thì vã mồ hôi, quăng văng thì trào nước mắt.

Nhưng đó là bà Tú trong con mắt của ông Tú, còn với bà không hề có một lời kêu ca phàn nàn mà là một thái độ chịu đựng vốn thường có của người phụ nữ phương Đông.

Một duyên hai nợ âu đành phận,

Năm nắng mười mưa dám quản công.

Những số từ được dùng rất khéo, vừa theo thứ tự tăng dần vừa đối nhau: một, hai, năm, mười, gọi được những khó khăn chồng chất ngày một tăng dần, và sức lực phi thường của người vợ, gánh vác tất cả. Thật là kiên cường nhưng sao mà tội nghiệp! Phần lớn phụ nữ nhờ chồng mà được hưởng niềm sung sướng, còn với bà Tú chỉ là thêm một món nợ cả đời. Nhập thân vào nhân vật Trần Tế Xương nói hộ những nỗi thiệt thòi của vợ nhưng đồng thời cũng thấy rõ cái đức hi sinh của người bạn đời. Kết thúc hai câu thơ cũng là sau những khó khăn được đưa ra là lời khẳng định: âu đành phận /dám quản công. Một thái độ dứt khoát, một sự chấp nhận không cần bàn cãi, một cách ứng xử hiển nhiên. Người phụ nữ Việt Nam là vậy, bà Tú Xương là vậy, họ coi "giang sơn nhà chồng" là việc của mình, họ tự nguyện gánh vác không so đo oán than.

Bà chỉ âm thầm chịu đựng, cho nên ông Tú đã trách hộ bà:

Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,

Có chồng hờ hững cũng như không.

Lời thơ như là tiếng chửi. Mà là chửi thật: "Cha mẹ thói đời..." Không phải là người vợ chịu nhiều vất vả thiệt thòi chửi mà người chồng tự chửi mình đầy thôi. Chữ "hờ hững" nghe sao mà chua chát. Bà Tú lấy phải một ông chồng bạc bẽo, chẳng giúp gì cho gia đình, cho vợ, chẳng làm được trụ cột lại còn để vợ phải nuôi báo cô. Thật là có chồng mà như không có, thậm chí còn khổ hơn không chồng. Câu thơ có chút vị đắng trong thơ Lầy lẽ của Hồ Xuân Hương:

Cổ đám ăn xôi, xôi lại hẩm

Cầm bằng làm mướn mướn không công.

Thân này ví biết đường này nhẽ

Thà trước thôi đành ở vậy xong.

Tóm lại, nổi bật trong bài thơ là hình ảnh bà Tú hiện thân của cuộc đời vất vả lận đận, là hội tụ của bao đức tính tốt đẹp: tần tảo, đảm đang, nhẫn nại... quên mình lo toan cho cuộc sống của chồng con.

Có một con người không xuất hiện trực tiếp là ông Tú, nhưng con mắt và trái tim của ông thì luôn luôn hiện hữu. Con mắt ông nhìn thấy rõ mọi nỗi đắng cay cực nhọc hàng ngày, và con tim thì thấu hiểu những nỗi cô đơn, tâm trạng âm thầm chịu đựng của bà. Bài thơ Thương vợ là một bản tự kiểm điểm, tự khiển trách hết sức chân thành và nghiêm khắc của Tú Xương. Mỗi lời thơ như một tiếng thở dài đau xót của một con người rất có ý thức trách nhiệm, nhưng bất lực. Đó là tấm lòng thương yêu cảm phục và biết ơn rất chân thành của người chồng đối với người vợ vì mình mà chịu nhiều đắng cay vất vả.

CLICK NGAY vào nút **TẢI VỀ** dưới đây để tải các bài văn mẫu Phân tích bài thơ Thương vợ Văn lớp 11 file word, pdf hoàn toàn miễn phí.